TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Cang

2. Bà Phan Thị Thanh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị N; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Kim Điền P; địa chỉ: Số F, Đường H, ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 14-4-2022 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Tuyết M; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn V; địa chỉ: ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 09-12-2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào năm 2021, bà Lưu Thị N có cho bà Bùi Thị Tuyết M vay số tiền là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) để đầu tư nuôi ba ba, các bên có thỏa thuận thời gian trả tiền vay là 20 ngày. Việc vay tiền có lập thành 03 (ba) "Giấy mượn tiền" ngày 13-12-2021 do bà M tự viết và ký tên, sở dĩ cùng

một ngày nhưng lập ba giấy mượn tiền là vì bà N đã cho bà M vay tiền trước đó nhưng không làm biên nhận đến ngày 13-12-2021 mới làm biên nhận theo từng khoản vay. Bà N đã nhiều lần yêu cầu bà M và ông V thanh toán tiền vay nhưng bà M và ông V vẫn không trả tiền cho bà N. Do vậy, bà Lưu Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị Tuyết M và ông Trần Văn V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền đã vay là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

** Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 12-7-2023, bị đơn bà Bùi Thị Tuyết M trình bày:*

Việc bà N cho rằng vào năm 2021, bà M vay của bà N tổng số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là không đúng. Bởi vì, trong các giấy mượn tiền mà bà N cung cấp thì có hai tờ giấy mượn tiền với số tiền 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) là tiền nợ hụi mà bà N yêu cầu bà M ký nhận và đã được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác; đối với giấy mượn tiền ghi số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) thì thực tế tiền vay là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đây là số tiền mà bà M hỏi mượn của bà N giúp cho người em sử dụng làm ăn. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà M chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

** Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông V tại nơi cư trú. Nhưng kể từ khi thụ lý vụ án, ông V không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhiều lần nhưng không đến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà Bùi Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vay là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn bà Bùi Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V chấp hành chưa nghiêm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện chỉ yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền vay 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) mà không yêu cầu ông Trần Văn V liên đới nghĩa vụ là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, căn cứ vào các Giấy mượn tiền ngày 13-12-2021 thể hiện tổng số tiền mà bà M vay của bà N là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), trong quá trình giải quyết vụ án bà M chỉ thừa nhận có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), tiền lãi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), đồng thời, cho rằng hai tờ giấy mượn tiền với số tiền 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) là tiền nợ hụi mà bà N yêu cầu bà M ký nhận và đã được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nhưng bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Từ đó, việc bà N yêu cầu bà M phải thanh toán tổng số tiền vay 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vay nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M và ông V.

[2] Về nội dung và phạm vi yêu cầu khởi kiện, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M phải thanh toán toàn bộ số tiền vay 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) mà không yêu cầu ông Trần Văn V liên đới nghĩa vụ, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà M đều thống nhất vào năm 2021, bà M có hỏi vay tiền của bà N, nhưng kể từ khi vay tiền đến nay, bà M chưa trả lại tiền vay cho bà N. Đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đối chiếu với các Giấy mượn tiền ngày 13-12-2021, thể hiện tại dưới mục "người mượn" có chữ ký và tên "Bùi Thị Tuyết M". Từ đó, có cơ sở xác định, bị đơn bà M còn có vay

tiền nợ tiền vay của bà N là đúng sự thật. Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà M trả tiền vay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về khoản tiền vay, theo nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng bà M vay tổng số tiền là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) và cung cấp chứng cứ để chứng minh là 03 (ba) "Giấy mượn tiền" ngày 13-12-2021 có chữ ký bà M tại mục người mượn. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản ghi lời khai ngày 12-7-2023, bị đơn bà M cho rằng 02 (hai) "Giấy mượn tiền" với số tiền 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) là tiền nợ hụi mà bà N yêu cầu bà M ký nhận và đã được Tòa án giải quyết bằng vụ án khác, thực tế bà M chỉ vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sau đó bà N gộp tiền lãi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) và yêu cầu bà M ký vào "Giấy mượn tiền" với số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), nhưng bà M không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh 02 (hai) "Giấy mượn tiền" với số tiền 49.500.000 đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) và 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) là tiền nợ hụi đã được Tòa án giải quyết và cũng không có chứng cứ chứng minh việc bà N nhập lãi vào vốn vay. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà M vay của bà N số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng). Từ đó, nguyên đơn bà N yêu cầu bà M phải thanh toán số tiền vay 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số phải thanh toán là 5.375.000 đồng (Năm triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị N.

Buộc bà Bùi Thị Tuyết M có nghĩa vụ thanh toán một lần cho bà Lưu Thị N toàn bộ tiền vốn vay là 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lưu Thị N cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị Tuyết M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.375.000 đồng (Năm triệu, ba trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho bà Lưu Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.755.000 đồng (Hai triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003524 ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Minh Luân
(Đã ký)